Chi tiết mã HS 4902.90.90

Mã HS	4902.90.90
Mô tả hàng hóa	Báo, tạp chí chuyên ngành và các ấn phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	cuốn
Thời điểm tạo	02/11/2026 12:15:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49029090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7759
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7759
Thuế GTGT (VAT)	*/8/10	* / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7759
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7477
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7430
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7430
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7430
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7430
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7430
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7430
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7480
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7480

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7480
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7480
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7480
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7480
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7481
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7481
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7481
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7481
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7481
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7481
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7482
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7436
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7444
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7444
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7444
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7444
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7444
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7444
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7466
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7466
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7466
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7466
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7466
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7466
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7512
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7512

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7512
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7512
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7512
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7512
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7492
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7492
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7492
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7492
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7492
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7492
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7505
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7505
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7505
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7505
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7505
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7505
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7509
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7509
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7509
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7509
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7509
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7509
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7510
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7510
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7510
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7510

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7510
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7510
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7460
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7460
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7460
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7460
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7460
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7460
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7460
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7497
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7497
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7497
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7497
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7497
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7497
RCEP B	2022	2022	0	B!D7497
RCEP B	2023	2023	0	B!E7497
RCEP B	2024	2024	0	B!F7497
RCEP B	2025	2025	0	B!G7497
RCEP B	2026	2026	0	B!H7497
RCEP B	2027	2027	0	B!I7497
RCEP C	2022	2022	0	C!D7497
RCEP C	2023	2023	0	C!E7497
RCEP C	2024	2024	0	C!F7497
RCEP C	2025	2025	0	C!G7497
RCEP C	2026	2026	0	C!H7497

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7497
RCEP D	2022	2022	0	D!D7497
RCEP D	2023	2023	0	D!E7497
RCEP D	2024	2024	0	D!F7497
RCEP D	2025	2025	0	D!G7497
RCEP D	2026	2026	0	D!H7497
RCEP D	2027	2027	0	D!I7497
RCEP E	2022	2022	0	E!D7500
RCEP E	2023	2023	0	E!E7500
RCEP E	2024	2024	0	E!F7500
RCEP E	2025	2025	0	E!G7500
RCEP E	2026	2026	0	E!H7500
RCEP E	2027	2027	0	E!I7500
RCEP F	2022	2022	0	F!D7497
RCEP F	2023	2023	0	F!E7497
RCEP F	2024	2024	0	F!F7497
RCEP F	2025	2025	0	F!G7497
RCEP F	2026	2026	0	F!H7497
RCEP F	2027	2027	0	F!I7497
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6936
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6936
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6936
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6936

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4902.90 có 2 dòng thuế; dòng 4902.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4902.90.10 Tạp chí và ấn phẩm định kỳ về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4902.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4902.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7759), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.